



Đèn LED chiếu sáng kho xưởng linh hoạt với hiệu quả cao cùng khả năng kết nối đón đầu tương lai

GreenPerform Highbay Elite

GreenPerform Highbay Elite là cải tiến mới nhất trong dòng sản phẩm đèn chiếu sáng kho bãi thành công vang dội dùng cho các ứng dụng công nghiệp và trần cao. Thiết kế không rìa độc đáo đã nhận được Giải thưởng thiết kế iF năm 2019 và Giải thưởng thiết kế Reddot năm 2019 nhờ tính thẩm mỹ vô cùng hấp dẫn. Đầu vậy, bộ đèn linh hoạt này cũng sở hữu vô vàn tính năng thiết thực, như chất lượng ánh sáng tuyệt vời, khả năng tiết kiệm năng lượng vượt trội, tuổi thọ cao với mức giá phải chăng cùng nhiều gói quang thông và chóa quang học đa dạng. Bộ đèn Green Perform Highbay Elite cung cấp các lựa chọn kết nối nâng cao với các hệ thống và ứng dụng phần mềm Internet vạn vật, bao gồm hệ thống Interact Pro. Nếu bạn đang tìm kiếm một giải pháp bền bỉ và tin cậy, có thể “lắp đặt và quên đi mọi âu lo”, sở hữu những ưu điểm về khả năng kết nối thì Green Perform Highbay Elite chính là sự lựa chọn thông minh.

Lợi ích

- Nét thẩm mỹ độc đáo hòa cùng chất lượng ánh sáng ưu việt.
- Bền bỉ và tin cậy với tuổi thọ cao, cực kỳ hiệu quả và có Tổng chi phí sở hữu hấp dẫn, tiết kiệm đến 60% khi thay thế trực tiếp cho đèn HPI 250W, HPL 400W và HPI 400W.
- Có thể kết nối được ngay với các ứng dụng phần mềm IoT (Internet vạn vật) trên đám mây.

GreenPerform Highbay Elite

Tính năng

- Hiệu quả cao lên tới 145 lm/w
- Tuổi thọ bóng cao là 75.000 giờ (L70B50 ở nhiệt độ 35°C)
- Có đầy đủ các gói quang thông từ 10.000 đến 30.000 lm
- Chỉ số hoàn màu trên 80
- Nhiều lựa chọn chóa quang học đa dạng cho nhiều ứng dụng và phù hợp để lắp trên móc, cột trụ và giá đỡ

Ứng dụng

- Sản xuất đại trà
- Nhà kho và trung tâm logistic
- Hành lang

Phiên bản



PHILIPS 0407

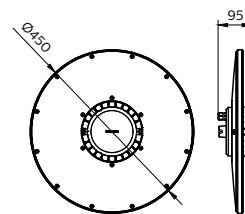
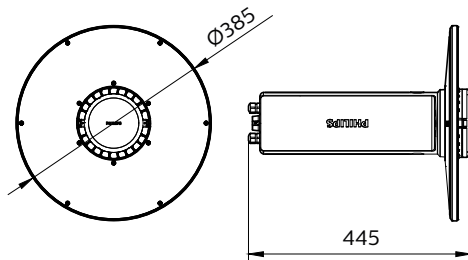


PHILIPS 0390

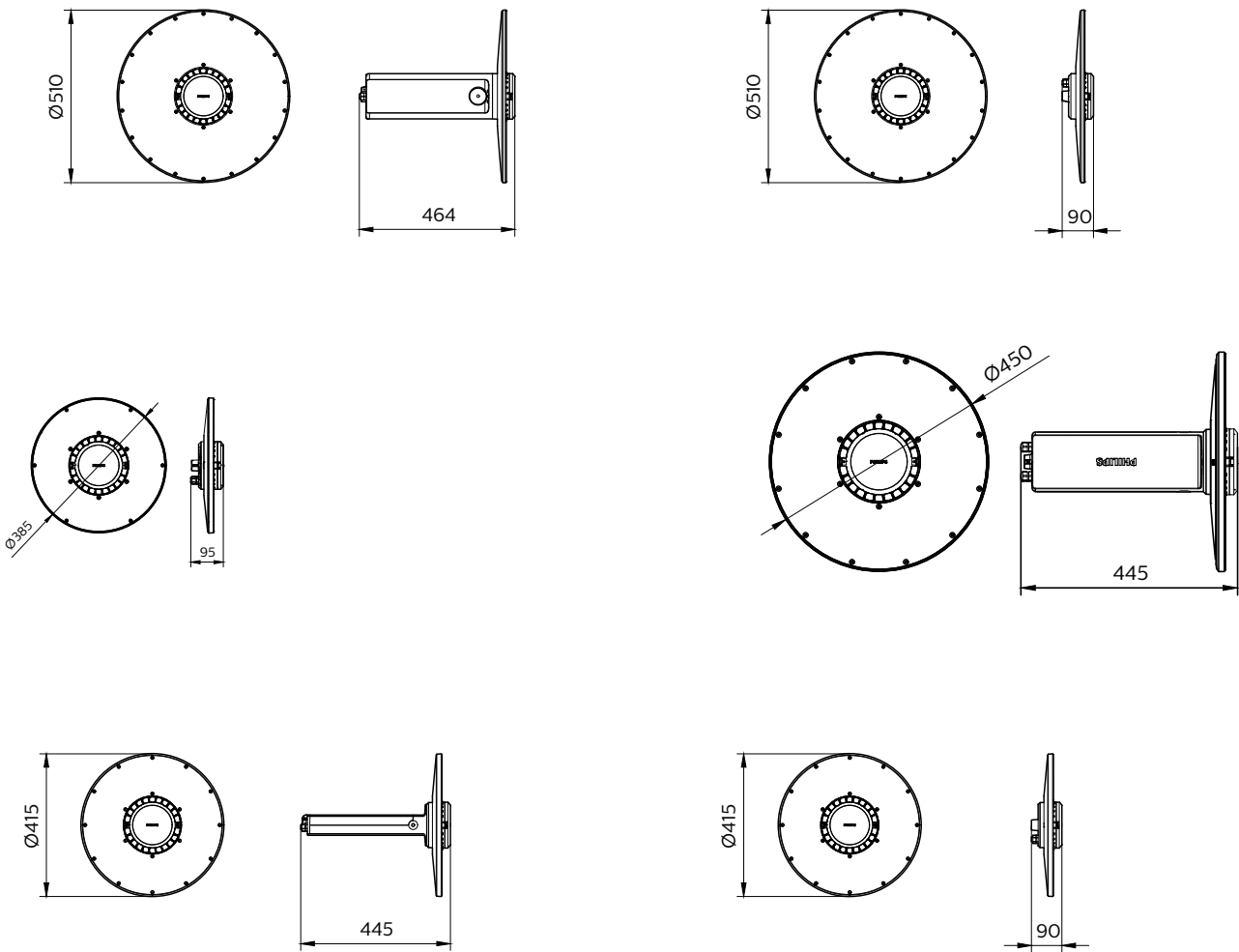


PHILIPS 0422

Bản vẽ kích thước



Bản vẽ kích thước



Thông tin chung	
Dấu CE	Dấu CE
Bao gồm bộ điều khiển	Có
Dấu ENEC	-
Ký hiệu tính dễ cháy	Đề gán trên các bề mặt dễ cháy thông thường
Thử nghiệm sợi dây nóng đỏ	Nhiệt độ 650°C, thời lượng 30 giây
Nguồn sáng có thể thay thế	Không
Thông tin kỹ thuật về đèn	
Chỉ số hoàn màu (CRI)	>80
Loại quang	Đối xứng
Vận hành và điện	
Điện áp đầu vào	220 đến 240 V
Tần số dòng	50 or 60 Hz
Nhiệt độ	
Dãy nhiệt độ màu ánh sáng	-30 đến +50°C
Phê duyệt và ứng dụng	
Cấp độ bảo vệ IEC	Cấp an toàn I
Mã bảo vệ khỏi tác động cơ học	IK08
Mã bảo vệ chống xâm nhập	IP65
Hiệu suất ban đầu (Tuân thủ IEC)	
Dung sai quang thông	+/-10%
Điều kiện ứng dụng	
Phù hợp với bật/tắt ngẫu nhiên	Không

Thông tin chung

Order Code	Full Product Name	Số lượng bộ điều khiển
911401569251	BY718P LED200/CW PSU NB	1 thiết bị
911401569551	BY718P LED200/NW PSU WB	1 thiết bị
911401576751	BY718P LED150/NW PSU WB	1 thiết bị
911401581351	BY718P LED300/CW PSD NB	2 thiết bị
911401581451	BY718P LED300/CW PSD WB	2 thiết bị
911401571851	BY718P LED100/CW PSD NB	1 thiết bị
911401571951	BY718P LED100/CW PSD WB	1 thiết bị
911401572051	BY718P LED100/NW PSD NB	1 thiết bị
911401572151	BY718P LED100/NW PSD WB	1 thiết bị
911401572251	BY718P LED200/CW PSD NB	1 thiết bị
911401572351	BY718P LED200/CW PSD WB	1 thiết bị
911401572551	BY718P LED200/NW PSD WB	1 thiết bị
911401576851	BY718P LED250/CW PSU NB	1 thiết bị
911401577051	BY718P LED250/NW PSU NB	1 thiết bị
911401577151	BY718P LED250/NW PSU WB	1 thiết bị
911401577351	BY718P LED300/CW PSU WB	1 thiết bị
911401577451	BY718P LED300/NW PSU NB	1 thiết bị
911401568851	BY718P LED100/CW PSU NB	1 thiết bị
911401568951	BY718P LED100/CW PSU WB	1 thiết bị
911401569051	BY718P LED100/NW PSU NB	1 thiết bị
911401580651	BY718P LED150/CW PSD WB	1 thiết bị
911401580851	BY718P LED150/NW PSD WB	1 thiết bị

Thông tin kỹ thuật về đèn

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu tương ứng		Quang hiệu (định mức)	
		ứng (Nom)	Kiểu chụp quang học	(Danh định)	Quang thông
911401569251	BY718P LED200/CW PSU NB	6500 K	Thấu kính	159 lm/W	21.500 lm
911401569551	BY718P LED200/NW PSU WB	4000 K	Thấu kính	159 lm/W	21.500 lm
911401576751	BY718P LED150/NW PSU WB	4000 K	Thấu kính	160 lm/W	16.300 lm
911401581351	BY718P LED300/CW PSD NB	6500 K	Chao đèn/nắp Polycarbonate	137 lm/W	30.000 lm

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu tương ứng		Quang hiệu (định mức)	
		ứng (Nom)	Kiểu chụp quang học	(Danh định)	Quang thông
911401581451	BY718P LED300/CW PSD WB	6500 K	Chao đèn/nắp Polycarbonate	137 lm/W	30.000 lm
911401571851	BY718P LED100/CW PSD NB	6500 K	Chao đèn/nắp Polycarbonate	145 lm/W	11.000 lm
911401571951	BY718P LED100/CW PSD WB	6500 K	Chao đèn/nắp Polycarbonate	145 lm/W	11.000 lm
911401572051	BY718P LED100/NW PSD NB	4000 K	Chao đèn/nắp Polycarbonate	145 lm/W	11.000 lm

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu tương ứng		Quang hiệu (định mức)	
		(Nom)	Kiểu chụp quang học	(Danh định)	Quang thông
911401572151	BY718P LED100/NW PSD WB	4000 K	Chao đèn/nắp Polycarbonate	145 lm/W	11.000 lm
911401572251	BY718P LED200/CW PSD NB	6500 K	Chao đèn/nắp Polycarbonate	147 lm/W	21.500 lm
911401572351	BY718P LED200/CW PSD WB	6500 K	Chao đèn/nắp Polycarbonate	147 lm/W	21.500 lm
911401572551	BY718P LED200/NW PSD WB	4000 K	Chao đèn/nắp Polycarbonate	148 lm/W	21.500 lm
911401576851	BY718P LED250/CW PSU NB	6500 K	Thấu kính	160 lm/W	27.000 lm
911401577051	BY718P LED250/NW PSU NB	4000 K	Thấu kính	160 lm/W	27.000 lm
911401577151	BY718P LED250/NW PSU WB	4000 K	Thấu kính	160 lm/W	27.000 lm

Vận hành và điện

Order Code	Full Product Name	Mức tiêu thụ điện
911401569251	BY718P LED200/CW PSU NB	135 W
911401569551	BY718P LED200/NW PSU WB	135 W
911401576751	BY718P LED150/NW PSU WB	102 W
911401581351	BY718P LED300/CW PSD NB	217 W
911401581451	BY718P LED300/CW PSD WB	217 W
911401571851	BY718P LED100/CW PSD NB	73 W
911401571951	BY718P LED100/CW PSD WB	73 W
911401572051	BY718P LED100/NW PSD NB	73 W
911401572151	BY718P LED100/NW PSD WB	73 W
911401572251	BY718P LED200/CW PSD NB	145 W
911401572351	BY718P LED200/CW PSD WB	145 W

Điều khiển và điều chỉnh độ sáng

Order Code	Full Product Name	Có thể điều chỉnh độ sáng
911401569251	BY718P LED200/CW PSU NB	Không
911401569551	BY718P LED200/NW PSU WB	Không
911401576751	BY718P LED150/NW PSU WB	Không
911401581351	BY718P LED300/CW PSD NB	Có
911401581451	BY718P LED300/CW PSD WB	Có
911401571851	BY718P LED100/CW PSD NB	Có
911401571951	BY718P LED100/CW PSD WB	Có

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu tương ứng		Quang hiệu (định mức)	
		(Nom)	Kiểu chụp quang học	(Danh định)	Quang thông
911401577351	BY718P LED300/CW PSU WB	6500 K	Thấu kính	160 lm/W	32.500 lm
911401577451	BY718P LED300/NW PSU NB	4000 K	Thấu kính	160 lm/W	32.500 lm
911401568851	BY718P LED100/CW PSU NB	6500 K	Thấu kính	159 lm/W	10.800 lm
911401568951	BY718P LED100/CW PSU WB	6500 K	Thấu kính	159 lm/W	10.800 lm
911401569051	BY718P LED100/NW PSU NB	4000 K	Thấu kính	159 lm/W	10.800 lm
911401580651	BY718P LED150/CW PSD WB	6500 K	Chao đèn/nắp Polycarbonate	137 lm/W	15.000 lm
911401580851	BY718P LED150/NW PSD WB	4000 K	Chao đèn/nắp Polycarbonate	137 lm/W	15.000 lm

Order Code	Full Product Name	Mức tiêu thụ điện
911401572551	BY718P LED200/NW PSD WB	145 W
911401576851	BY718P LED250/CW PSU NB	169 W
911401577051	BY718P LED250/NW PSU NB	169 W
911401577151	BY718P LED250/NW PSU WB	169 W
911401577351	BY718P LED300/CW PSU WB	203 W
911401577451	BY718P LED300/NW PSU NB	203 W
911401568851	BY718P LED100/CW PSU NB	68 W
911401568951	BY718P LED100/CW PSU WB	68 W
911401569051	BY718P LED100/NW PSU NB	68 W
911401580651	BY718P LED150/CW PSD WB	109 W
911401580851	BY718P LED150/NW PSD WB	109 W

Order Code	Full Product Name	Có thể điều chỉnh độ sáng
911401572051	BY718P LED100/NW PSD NB	Có
911401572151	BY718P LED100/NW PSD WB	Có
911401572251	BY718P LED200/CW PSD NB	Có
911401572351	BY718P LED200/CW PSD WB	Có
911401572551	BY718P LED200/NW PSD WB	Có
911401576851	BY718P LED250/CW PSU NB	Không
911401577051	BY718P LED250/NW PSU NB	Không

Order Code	Full Product Name	Có thể điều chỉnh độ sáng
911401577151	BY718P LED250/NW PSU WB	Không
911401577351	BY718P LED300/CW PSU WB	Không
911401577451	BY718P LED300/NW PSU NB	Không
911401568851	BY718P LED100/CW PSU NB	Không

Order Code	Full Product Name	Có thể điều chỉnh độ sáng
911401568951	BY718P LED100/CW PSU WB	Không
911401569051	BY718P LED100/NW PSU NB	Không
911401580651	BY718P LED150/CW PSD WB	Có
911401580851	BY718P LED150/NW PSD WB	Có

Cơ khí và vỏ đèn

Order Code	Full Product Name	Màu vỏ đèn
911401569251	BY718P LED200/CW PSU NB	Xám
911401569551	BY718P LED200/NW PSU WB	Xám
911401576751	BY718P LED150/NW PSU WB	Xám
911401581351	BY718P LED300/CW PSD NB	Đen và xám
911401581451	BY718P LED300/CW PSD WB	Đen và xám
911401571851	BY718P LED100/CW PSD NB	Đen và xám
911401571951	BY718P LED100/CW PSD WB	Đen và xám
911401572051	BY718P LED100/NW PSD NB	Đen và xám
911401572151	BY718P LED100/NW PSD WB	Đen và xám
911401572251	BY718P LED200/CW PSD NB	Đen và xám
911401572351	BY718P LED200/CW PSD WB	Đen và xám

Order Code	Full Product Name	Màu vỏ đèn
911401572551	BY718P LED200/NW PSD WB	Đen và xám
911401576851	BY718P LED250/CW PSU NB	Xám
911401577051	BY718P LED250/NW PSU NB	Xám
911401577151	BY718P LED250/NW PSU WB	Xám
911401577351	BY718P LED300/CW PSU WB	Xám
911401577451	BY718P LED300/NW PSU NB	Xám
911401568851	BY718P LED100/CW PSU NB	Xám
911401568951	BY718P LED100/CW PSU WB	Xám
911401569051	BY718P LED100/NW PSU NB	Xám
911401580651	BY718P LED150/CW PSD WB	Đen và xám
911401580851	BY718P LED150/NW PSD WB	Đen và xám

Hiệu suất theo thời gian (Tuân thủ IEC)

Order Code	Full Product Name	Tỷ lệ lỗi bộ điều khiển ở 5000 giờ
911401569251	BY718P LED200/CW PSU NB	-
911401569551	BY718P LED200/NW PSU WB	-
911401576751	BY718P LED150/NW PSU WB	-
911401581351	BY718P LED300/CW PSD NB	0,0042 %
911401581451	BY718P LED300/CW PSD WB	0,0042 %
911401571851	BY718P LED100/CW PSD NB	0,0021 %
911401571951	BY718P LED100/CW PSD WB	0,0021 %
911401572051	BY718P LED100/NW PSD NB	0,0021 %
911401572151	BY718P LED100/NW PSD WB	0,0021 %
911401572251	BY718P LED200/CW PSD NB	0,0021 %
911401572351	BY718P LED200/CW PSD WB	0,0021 %

Order Code	Full Product Name	Tỷ lệ lỗi bộ điều khiển ở 5000 giờ
911401572551	BY718P LED200/NW PSD WB	0,0021 %
911401576851	BY718P LED250/CW PSU NB	-
911401577051	BY718P LED250/NW PSU NB	-
911401577151	BY718P LED250/NW PSU WB	-
911401577351	BY718P LED300/CW PSU WB	-
911401577451	BY718P LED300/NW PSU NB	-
911401568851	BY718P LED100/CW PSU NB	-
911401568951	BY718P LED100/CW PSU WB	-
911401569051	BY718P LED100/NW PSU NB	-
911401580651	BY718P LED150/CW PSD WB	0,0021 %
911401580851	BY718P LED150/NW PSD WB	0,0021 %

Điều kiện ứng dụng

Order Code	Full Product Name	Độ mở tối đa
911401569251	BY718P LED200/CW PSU NB	Không áp dụng
911401569551	BY718P LED200/NW PSU WB	Không áp dụng
911401576751	BY718P LED150/NW PSU WB	Không áp dụng
911401581351	BY718P LED300/CW PSD NB	1%
911401581451	BY718P LED300/CW PSD WB	1%
911401571851	BY718P LED100/CW PSD NB	1%
911401571951	BY718P LED100/CW PSD WB	1%
911401572051	BY718P LED100/NW PSD NB	1%
911401572151	BY718P LED100/NW PSD WB	1%
911401572251	BY718P LED200/CW PSD NB	1%
911401572351	BY718P LED200/CW PSD WB	1%

Order Code	Full Product Name	Độ mở tối đa
911401572551	BY718P LED200/NW PSD WB	1%
911401576851	BY718P LED250/CW PSU NB	Không áp dụng
911401577051	BY718P LED250/NW PSU NB	Không áp dụng
911401577151	BY718P LED250/NW PSU WB	Không áp dụng
911401577351	BY718P LED300/CW PSU WB	Không áp dụng
911401577451	BY718P LED300/NW PSU NB	Không áp dụng
911401568851	BY718P LED100/CW PSU NB	Không áp dụng
911401568951	BY718P LED100/CW PSU WB	Không áp dụng
911401569051	BY718P LED100/NW PSU NB	Không áp dụng
911401580651	BY718P LED150/CW PSD WB	1%
911401580851	BY718P LED150/NW PSD WB	1%

